

Bản án số:151/2020/HS-ST
Ngày 28/10/2020.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÓC SƠN - THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Như Ý;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Chí - Là cán bộ hưu trí;

Bà Đào Thị Doan - Là cán bộ hưu trí;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 157/2020/TLST-HS ngày 01 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 160/2020/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 10 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Hạ L, sinh năm 1987,(tên gọi khác : Không) tại Hà Nội ;NĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: tổ B, thị trấn A, huyện A, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: lớp 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Duy B, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1961; vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1984; con: có 02 con (lớn sinh 2009, nhỏ sinh 2013); tiền án: 02 tiền án:

Bản án số 14/HSST ngày 25/01/2014, Tòa án quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội xử L 08 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, ngày 09/12/2014 L chấp hành xong hình phạt tù, ngày 19/10/2015, L nộp tiền án phí HSST. Bản án này chưa xóa;

Bản án số 54/HSST ngày 11/4/2017, Tòa án quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh xử L 1 năm 08 tháng tù về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Ngày 21/7/2018 L chấp hành xong hình phạt tù. Chưa nộp tiền bồi thường và án phí của bản án. Bản án chưa xóa. Lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm.

Tiền sự: không; Nhân thân: không; Tạm giữ, tạm giam: từ ngày 16/5/2020 đến nay; có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1991;

Trú tại: Thôn L, xã Thăng L, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Có mặt.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Anh Nguyễn H, sinh năm 1989; Trú tại: B, H Lư, Đông Hưng, Thái Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do chị Nguyễn Thị H có nhu cầu đi Hàn Quốc xuất khẩu lao động nên chị Phạm Thị N là chị họ của chị H hiện đang buôn bán bên Hàn Quốc nói với chị H nếu muốn sang Hàn Quốc thì chuẩn bị hồ sơ (gồm hộ chiếu, chứng minh thư nhân dân, hộ khẩu gốc và 6 ảnh cỡ 4x6) đưa cho người tên Đ là người quen của chị N làm thủ tục giúp. Khoảng tháng 7/2019, chị H tự làm thủ tục xin cấp hộ chiếu, đầu tháng 8/2019, Cục quản lý xuất nhập Cảnh cấp hộ chiếu cho chị H. Sau đó, có người tên Đ sử dụng số điện thoại 0985742794 gọi cho chị H bảo chị H gửi toàn bộ hồ sơ qua xe khách đi từ Thái Bình lên bến xe Giáp Bát, Hà Nội. Ngày 13/8/2019, chị H gửi hồ sơ đi thì Đ nói bận không ra lấy hồ sơ được và cho chị H số điện thoại là 0337701145, Đ bảo chị H là L sẽ lo giúp giấy tờ. Quá trình làm việc với L, L thỏa thuận chi phí làm thị thực cho chị H đi Hàn Quốc du lịch từ 06 tháng – 1 năm là 250.000.000 đồng (bao gồm: 150.000.000 đồng là tiền công L trực tiếp đi làm thủ tục xin thị thực cho chị H đi Hàn Quốc, 100.000.000 đồng để nộp vào tài khoản chứng minh thu nhập) vé máy bay do chị H tự chi trả. Chị H thấy L báo giá rẻ hơn Đ (Đ báo 320.000.000 đồng) nên chị H làm việc trực tiếp với L mà không liên hệ với Đ nữa. Tổng số tiền mẹ con chị H đã đưa cho L là 312.370.000 đồng, cụ thể:

Lần thứ nhất: Ngày 18/8/2019, chị H đến bến xe Giáp Bát - Hà Nội, L đón và đưa chị H ra Ngân hàng Viettinbank, chị H rút 100.000.000 đồng đưa trực tiếp tiền mặt cho L. L nhận tiền và nói sẽ đổi ra USD để nộp cho Đại sứ quán Hàn Quốc chứng minh tài chính, khi giao nhận tiền chị H và L không viết tờ giao nhận.

Lần thứ 2: Ngày 19/8/2019, tại quán café Vy tại Số 16, Đặng Thùy Trâm, Hà Nội. L nói với chị H phải phỏng vấn tiếng Hàn Quốc. Do chị H không biết tiếng Hàn Quốc nên L yêu cầu chị H đưa 8.000.000 đồng để L nhờ người phỏng vấn thay chị H. Chị H đồng ý, nhưng do không mang đủ tiền nên chị H đưa L 5.000.000 đồng tiền mặt trước.

Lần thứ 3: Ngày 20/8/2019, chị H chuyển vào tài khoản của L 3.000.000 đồng (đây là số tiền còn thiếu trong số 8.000.000 đồng nhờ người phỏng vấn tiếng Hàn Quốc thay chị H).

Lần thứ 4: Ngày 25/8/2019, chị H nhờ anh Nguyễn H, sinh năm 1989, ở B, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình chuyển vào tài khoản của L 14.370.000 đồng để nhờ L mua vé máy bay sang Hàn Quốc hộ chị H.

Lần thứ 5: Ngày 04/9/2019, anh Hà chuyển vào tài khoản của L 80.000.000 đồng (đây là số tiền công nằm trong số tiền 150.000.000 đồng như thỏa thuận ban đầu với L).

Lần thứ 6: Ngày 09/9/2019, tại quán cà phê Highland số 27 Trần Duy Hưng – Hà Nội, L đưa một số giấy tờ bằng tiếng Hàn (chị H không biết là giấy tờ gì) để chị H lăn tay điểm chỉ vào giấy tờ. Chị H tiếp tục nhờ anh Hà chuyển nốt số tiền công 70.000.000 đồng vào tài khoản của L.

Lần thứ 7: Ngày 10/9/2019, tại số 08, đường Đ, phường Đ 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, L đưa cho chị H hộ chiếu có dán thị thực Hàn Quốc và code vé máy bay (có sự chứng kiến của bà Nguyễn Thị N mẹ đẻ chị H và bà Nguyễn Thị H). L nói với chị H cứ ra Sân bay Nội Bài xuất cảnh cùng với mấy người nữa của L. Mẹ con chị H đưa cho L 40.000.000 đồng nhờ L đổi ra USD cho chị H mang sang Hàn Quốc chi tiêu. L nhận tiền và hẹn khi nào chị H lên máy bay sẽ có người quen của L là tiếp viên hàng không ra đưa số tiền USD đã đổi cho chị H. Tối 10/9/2019 chị H đến Sân bay Nội Bài, chị H điện thoại cho L thì L nói bận họp và hẹn sẽ đến sân bay sau, chị H đợi nhưng không thấy L đến, gọi điện thoại L không nghe máy nên chị H tự vào làm thủ tục xuất cảnh thì bị Công an cửa khẩu Cảng hàng không Quốc tế Nội Bài phát hiện chị H sử dụng thị thực Hàn Quốc giả để xuất cảnh và yêu cầu chị H đến Đồn Công an cửa khẩu Nội Bài để làm việc.

Ngày 11/9/2019, Cục quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an lập biên bản về việc chị H sử dụng thị thực Hàn Quốc giả để xuất cảnh.

Tại Bản kết luận giám định số 1603 ngày 04/3/2020, Phòng kỹ thuật hình sự - Công an TP Hà Nội kết luận: Thị thực số VT2019VB00819 dán tại trang số 9 trên hộ chiếu số C7981774 cần giám định là giả.

Tại bản cáo trạng số 147/CT-VKS ngày 25/9/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội truy tố bị cáo: Nguyễn Hạ L về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”, quy định tại điểm e khoản 2 Điều 341 và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố; lời khai thể hiện: Do bị cáo không có công việc làm ổn định nên có đăng tin trên trang mạng xã hội quảng cáo nội dung “ Nhận làm visa dịch vụ, chứng minh nhân dân, hộ chiếu, hộ khẩu KT3...” để kiếm tiền. Thực tế, bị cáo có nhận vài trường hợp làm dịch vụ đi Hàn Quốc rồi giới thiệu cho T được T trả công từ 2.000.000 đến 3.000.000 đồng/1 khách. Khoảng tháng 8/2019, có một người đàn ông gọi cho L tự xưng tên là N ở Bắc Giang giới thiệu chị Nguyễn Thị H ở Thái Bình có nhu cầu xin thị thực đi Hàn Quốc. Lần này, bị cáo muốn trực tiếp đứng ra làm thị thực cho chị H để được

hưởng tiền công cao hơn nên bị cáo chủ động gọi điện và tạo niềm tin cho chị H bằng việc giới thiệu mình chuyên làm dịch vụ xin thị thực đi Hàn Quốc cho nhiều khách hàng đi trót lọt. Sau khi nói chuyện với H, bị cáo trao đổi với T, bị cáo và T thống nhất báo giá chị H là 250.000.000 đồng (Trong đó: 100.000.000 đồng là tiền chứng minh thu nhập của H; 150.000.000 đồng là tiền công chi phí xin thị thực đi Hàn Quốc cho chị H), chị H đồng ý. Bị cáo yêu cầu chị H chuẩn bị hồ sơ gồm: Hộ chiếu tên chị H, Chứng minh nhân dân tên chị H, Sổ hộ khẩu gia đình chị H và ảnh. Bị cáo đã nhận tiền của chị H nhiều lần với tổng số tiền là 312.370.000 đồng. Bị cáo đã chuyển cho T 226.500.000 đồng làm nhiều lần (cụ thể: 100.000.000 đồng để T nộp vào Đại sứ quán Hàn Quốc chứng minh thu nhập cho chị H; 120.000.000 đồng là tiền công T làm thị thực Hàn Quốc cho chị H, 6.500.000 đồng tiền T nhờ người phỏng vấn tiếng Hàn thay chị H). Còn bản thân bị cáo giữ: 85.870.000 đồng. Số tiền trên bị cáo đã chi tiêu cá nhân hết.

Thực tế, sau khi trực tiếp nhận hồ sơ và tiền của chị H, bị cáo không nộp hồ sơ xin cấp thị thực đi Hàn Quốc của chị H và không đưa chị H đến Cơ quan nhà nước có thẩm quyền nào theo quy định của pháp luật. Bị cáo là người trực tiếp lẫn tay vào giấy tờ xin cấp thị thực cho chị H tại quán cà phê và trực tiếp giao lại hộ chiếu có gắn thị thực giả đi Hàn Quốc cho chị H. Tối ngày 10/9/2019, bị cáo có mặt ở khu vực Nhà ga Quốc tế Nội Bài nhưng không vào trong sảnh, lý do chiều ngày 10/9/2019 đã có 1 người bạn cùng làm ăn với bị cáo (bị cáo không nhớ tên và điện thoại người này) gọi điện cho bị cáo hỏi “khách của ông bay chưa? Có trục trặc gì không?”. Nghe điện thoại xong, bị cáo gọi điện cho T để hỏi nhưng máy của T không liên lạc được. Khoảng 23 giờ ngày 10/9/2019, mẹ chị H gọi điện cho bị cáo thông báo visa của chị H trục trặc, trong điện thoại bị cáo nghe có tiếng chửi, bị cáo sợ vào gặp chị H sẽ bị người nhà của chị H đánh nên bị cáo đã xóa hết dữ liệu liên quan đến T, tắt máy điện thoại mục đích để gia đình chị H không liên lạc được để đòi tiền. Bị cáo di chuyển sang Nhà ga Nội địa Sân bay Nội Bài mua vé máy bay vào Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo không nhớ bay của hãng nào. Khi vào đến Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo đã vứt chiếc điện thoại trên xuống mương nước. Hiện bị cáo chưa có tiền để trả cho mẹ con chị H. Nay bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bị hại chị Nguyễn Thị H có mặt tại phiên tòa có lời trình bày:

Do có nhu cầu xin thị thực để đi Hàn Quốc xuất khẩu lao động nên chị có nhờ Nguyễn Hạ L làm thủ tục giấy tờ cho chị. Quá trình trao đổi thống nhất và chị đã chuyển cho L số tiền 312.370.000 đồng làm nhiều đợt. Đến ngày 10/9/2019, chị nhận được hộ chiếu thị thực do L giao cho chị. Sau đó chị dùng hộ chiếu trên để sang Hàn Quốc, khi đến sân bay quốc tế Nội Bài thì bị phát hiện là hộ chiếu giả chị có liên lạc cho L để hỏi nhưng không được. Đến nay L chưa trả cho chị số tiền trên, chị đề nghị bị cáo phải trả lại cho chị toàn bộ số tiền 312.370.000đ và xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn H vắng mặt tại phiên tòa có lời khai:

Anh và chị H là họ hàng của nhau, khoảng tháng 9 năm 2019, anh được chị H nhờ chuyển tiền cho một người tên là L. Anh không biết L là ai và chưa liên lạc với L bao giờ. Chị H có cho anh biết để nhờ L làm giấy tờ cho chị H đi xuất khẩu sang Hàn Quốc. Anh đã trực tiếp chuyển tiền 03 lần cho L lần 1 là 14.370.000đ, lần hai là 80.000.000đ, lần ba là 70.000.000đ. Số tiền này đều là tiền của anh cho chị H mượn. Đến nay chị H đã trả anh hết số tiền này, anh không có yêu cầu gì về phần dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố sau khi phân tích nội dung, tính chất vụ án cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội danh như Cáo trạng đã nêu. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm e khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 55 Bộ luật hình sự. Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Xử phạt **Nguyễn Hạ L** mức án từ 08 năm đến 09 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; mức án từ 02 năm 06 tháng đến 3 năm tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt chung của hai tội buộc bị cáo phải chịu mức án từ 10 năm 06 tháng đến 12 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ: 16/5/2020.

Về dân sự: buộc bị cáo phải bồi thường cho người bị hại số tiền 312.370.000đ.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Về vật chứng: tịch thu tiêu hủy 01 thị thực Hàn Quốc số VT 2019VB00819 là giả được gắn tại trang số 9 của hộ chiếu số C7981774 mang tên Nguyễn Thị H, SN 1991, trú tại L, Thăng L, Đông Hưng, Thái Bình.

Về án phí: bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do vậy các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong thời gian khoảng từ tháng 8 năm 2019 đến ngày 10/9/2019, vì mục đích tư lợi nên Nguyễn Hạ L đã có hành vi nhận làm thị thực cho chị H để chị H xuất khẩu sang Hàn Quốc. Thực tế L không có khả năng để xin cấp thị thực cho chị H mà là L đã làm thị thực giả nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của chị Nguyễn Thị H với tổng số tiền

312.370.000đ. Hành vi làm giả thị thực của L nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác đã phạm vào tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” và tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Do số tiền bị cáo chiếm đoạt có giá trị trên 200.000.000đ và lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm nên hành vi của bị cáo đã cấu thành tội: “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” được quy định tại điểm e khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự và điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn truy tố bị cáo Nguyễn Hạ L về tội: Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”, quy định tại điểm e khoản 2 Điều 341 và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Đối với chị Phạm Thị N, là chị họ của chị H giới thiệu người tên Đ cho chị H. Quá trình điều tra, Công an huyện Sóc Sơn điều tra làm rõ, nhưng Cơ quan CSĐT – Công an huyện Sóc Sơn chưa tiến hành được thủ tục tương trợ Tư pháp để ghi lời khai của chị N và đối tượng tên Đ do chị H không cung cấp được địa chỉ cụ thể. Mặt khác, chị H cũng xác nhận việc làm thị thực đi Hàn Quốc chị không liên hệ với Đ mà chỉ trao đổi trực tiếp với bị cáo. Do đó không có căn cứ để xem xét hành vi của chị N và đối tượng tên Đ là phù hợp.

Đối với đối tượng tên N quê Bắc Giang, bị cáo khai là người giới thiệu chị H với bị cáo. Bị cáo không quen biết N và N cũng không liên quan đến việc L làm thị thực cho chị H nên Cơ quan CSĐT – Công an huyện Sóc Sơn không điều tra làm rõ được là phù hợp.

Đối với đối tượng tên T, bị cáo khai có đưa hồ sơ của chị H và 226.500.000 đồng cho T để T xin thị thực đi Hàn Quốc cho chị H. T là người hướng dẫn L lẫn tay vào giấy tờ cho chị H, T đưa hộ chiếu có gắn thị thực đi Hàn Quốc của chị H cho bị cáo. Bị cáo không biết đó là thị thực giả. Bị cáo không biết tên tuổi, địa chỉ của đối tượng T, chỉ biết T là “cò” chuyên làm thị thực, chứng minh nhân dân....ngoài ra bị cáo không có thông tin gì về T. Sau khi sự việc xảy ra, bị cáo biết mình là người trực tiếp nhận tiền của chị H nên phải chịu trách nhiệm. Bị cáo nghĩ không tìm được T nên đã xóa số điện thoại, gỡ liên hệ zalo với T khỏi tài khoản, tắt máy điện thoại và vứt điện thoại xuống mương rồi bỏ trốn. Ngoài lời khai của bị cáo về đối tượng T thì không có bất cứ tài liệu nào khác chứng minh cho lời khai của bị cáo. Quá trình điều tra, chị H khai chưa thấy bị cáo nhắc đến ai tên T giúp chị xin thị thực đi Hàn Quốc. Do vậy, Cơ quan CSĐT-Công an huyện Sóc Sơn không có căn cứ để điều tra làm rõ đối tượng tên T như bị cáo khai là có căn cứ.

Đối với việc chị H sử dụng thị thực Hàn Quốc giả để xuất cảnh, bản thân chị H không biết là giả, chị H là nạn nhân nên không cấu thành tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” quy định tại Điều 341 Bộ luật hình sự. Do vậy, Cơ quan CSĐT – Công an huyện Sóc Sơn không đề cập xử lý hình sự đối với hành vi của chị H trong vụ án này là đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét tính chất của vụ án: Vụ án có tính chất rất nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của Nhà nước. Bị cáo nhận thức được hành vi gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác và làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích vụ lợi nên đã cố ý thực hiện tội phạm đến cùng.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đó là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo có nơi cư trú ổn định rõ ràng, nhưng xét nhân thân bị cáo, trước khi thực hiện hành vi phạm tội này, bị cáo đã thực hiện 02 lần phạm tội về loại tội chiếm đoạt tài sản, các bản án đều chưa được xóa án tích, lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tài phạm nguy hiểm, cho thấy bị cáo là người có nhân thân xấu, thể hiện ý thức coi thường pháp luật. Do đó cần phải xử phạt thật nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong một thời gian nhất định tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội và đồng thời góp phần đấu tranh phòng chống tội phạm.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho người bị hại số tiền 312.370.000đ.

[6] Về hình phạt bổ sung: theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật hình sự quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng*”. Tuy nhiên Cơ quan điều tra xác minh, bị cáo có mức thu nhập thấp nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về vật chứng: Quá trình điều tra cơ quan Công an thu giữ 01 thị thực Hàn Quốc số VT 2019VB00819 là giả được gắn tại trang số 9 của hộ chiếu số C7981774 mang tên Nguyễn Thị H, SN 1991, trú tại L, Thăng L, Đông Hưng, Thái Bình. Xét đây là tài liệu cấm lưu hành, không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Về án phí: buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình phạt: Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 341, điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 55 Bộ luật hình sự: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hạ L phạm tội: “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*” và tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Xử phạt: Nguyễn Hạ L: 30 (ba mươi) tháng tù về tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*” và 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là **12 (mười hai) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ: 16/5/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 357, Điều 468, Điều 584 và Điều 589 Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo Nguyễn Hạ L phải

bồi thường cho người bị hại chị Nguyễn Thị H số tiền 312.370.000đ (ba trăm mười hai triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án bên phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi theo quy định của Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3.Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 thị thực Hàn Quốc số VT 2019VB00819 là giả được gắn tại trang số 9 của hộ chiếu số C7981774 mang tên Nguyễn Thị H, SN 1991, trú tại L, Thăng L, Đông Hưng, Thái Bình. Tình trạng như biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Công an huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội và Chi cục thi hành án dân sự huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

4.Về án phí: Căn cứ điểm a, điểm c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo phải chịu 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 15.618.500 đồng (mười lăm triệu sáu trăm mười tám nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5.Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo và người bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

Nơi nhận:

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Các bị cáo

Thẩm Phán

- VKSND H.Sóc Sơn;

- Công an H. Sóc Sơn;

- THADS H.Sóc Sơn;

- Các đương sự;

Nguyễn Như Ý

- Lưu HS, VP